# TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 35, 28/08 – 31/08/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

## "Test đáy thành công, thị trường phục hồi"

**Tiêu điểm nổi bật:**

- Theo GSO, dữ liệu công bố sáng 29/8 cho thấy trong tháng 8/2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 60.92 tỷ USD, tăng 6.7% so với tháng trước và giảm 7.9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 20.19 tỷ USD
- Trung Quốc triển khai 3 gói biện pháp giảm phí thuế cho giao dịch cổ phiếu để hỗ trợ thị trường chứng khoán.
- Phát biểu tại Hội nghị Jackson Hole, ông Powell cho biết Fed sẵn sàng thắt chặt chính sách hơn nữa nếu thấy cần thiết để đưa lạm phát về mức mục tiêu.

**Đánh giá:** Thị trường trong nước hòa cùng nhịp tăng của thị trường quốc tế khi một số các thông tin quốc tế tác động tốt. Trong thời gian tới, lạm phát có thể tăng trở lại bởi các nguyên nhân sau: Mức nền so sánh cùng kỳ của CPI năm trước không còn cao, giá dầu dự báo neo cao trên mức 80 USD/thùng, hàng tồn kho của Mỹ đang giảm mạnh… Trong tháng tơi, các thông tin về chỉ số việc làm và chỉ số PMI dịch vụ của Mỹ cũng là cơ sở để FED quyết định cho chính sách tiền tệ của họ vào tháng 9.

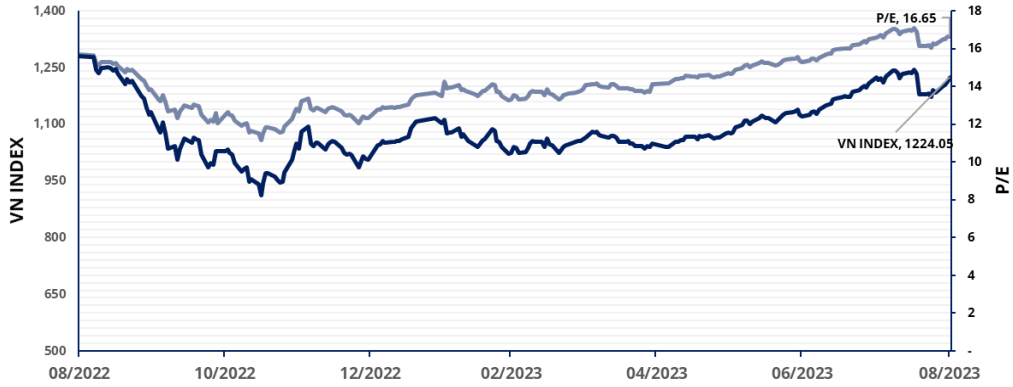
**Góc nhìn kĩ thuật:** Trong tuần này, VNINDEX đóng cửa kết tuần tại 1,224 (+40.6 điểm, +3.44%), tiếp tục duy trì xu hướng tăng sau khi đã test thành công vùng 1,180 tương ứng MA 20 của đồ thị tuần trong phiên tuần trước. Thanh khoản sụt giảm là bình thường khi tâm lý nhà đầu tư trở nên dè dặt hơn sau phiên giảm mạnh hơn 50 điểm cách đây 2 tuần. Ngưỡng hỗ trợ kháng cự hiện tại là vùng 1,180 và 1,250. Nếu chỉ số có thể break được vùng 1,250 với thanh khoản cải thiện, thì sẽ xác nhận rõ hơn xu hướng tiếp theo của thị trường.

**Ý tưởng đầu tư:** Như chiến lược được để ra trong báo cáo tuần trước, chúng tôi đã khuyến nghị mua vào ở các vùng hỗ trợ. Các nhóm ngành được hưởng lợi như bất động sản khu công nghiệp, bán lẻ và ngân hàng đều có mức tăng ấn tượng như chúng tôi đã nhận định. Trong tuần tới, thị trường sẽ tiệm cận vùng kháng cự 1,250, khuyến nghị nhà đầu tư nên hạn chế mua mới mà ưu tiên chốt lời để bảo toàn lợi nhuận, trong bối cảnh thị trường đang chờ đợi nhiều thông tin vĩ mô tương đối nhạy cảm.

| Dữ liệu thị trường tuần | | % Thay đổi | | | | | Định giá | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên chỉ số | Giá đóng cửa | 1W | 1M | 3M | YTD | Xu hướng | P/E | P/B | Vốn hóa (Tỷ USD) |
| VN-Index | 1,224 | 3.4 | 0.1 | 13.8 | 21.5 | | 16.7 | 1.8 | 201 |
| Upcom Index | 93 | 2.5 | 4.4 | 13.7 | 30.2 | | 12.6 | 1.3 | 45 |
| HNX Index | 250 | 2.8 | 4.3 | 12.1 | 21.6 | | 27.2 | 1.4 | 12 |
| VN30 Index | 1,235 | 3.4 | 0.3 | 15.8 | 22.8 | | 13.6 | 1.8 | 145 |
| S&P 500 Index | 4,515 | 2.5 | -1.6 | 8.0 | 17.6 | | 22.1 | 4.3 | 39,296 |
| STOXX Europe 600 Index | 461 | 2.0 | -2.3 | 2.0 | 8.4 | | 13.4 | 1.8 | 13,503 |
| Hang Seng | 18,382 | 2.4 | -8.5 | 0.8 | -7.1 | | 10.2 | 1.0 | 2,711 |
| Nikkei 225 | 32,619 | 3.1 | -1.7 | 5.6 | 25.0 | | 25.7 | 1.9 | 4,010 |
| SHCOMP Index | 3,120 | 1.8 | -5.2 | -2.6 | 1.0 | | 13.8 | 1.4 | 6,423 |
| STI Index | 3,236 | 1.4 | -4.1 | 2.4 | -0.5 | | 11.3 | 1.1 | 369 |
| KOSPI Index | 2,556 | 1.5 | -2.9 | -0.8 | 14.3 | | 18.1 | 0.9 | 1,485 |

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm




Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Hoàng Nam
(84-28) 90 2778927
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

# WEEKLY SNAPSHOT
## Theo vốn hóa và ngành

**Theo giá trị vốn hóa**

| Giá trị vốn hóa | 1W | 1M | YTD | % Thay đổi GTGD 1W | % Thay đổi GTGD 1M | % Thay đổi GTGD 3M | % Tỷ trọng GTGD Current | % Tỷ trọng GTGD Change | Định giá P/E | Định giá P/B | Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Large Cap | 2.8 | 0.5 | 21.2 | -13.0 | -5.1 | 16.7 | 78.6 | 0.8 | 13.8 | 1.9 | 4,273,704 |
| Mid Cap | 4.1 | 0.5 | 30.0 | -15.8 | -26.1 | -14.4 | 19.9 | -0.5 | 24.9 | 1.3 | 552,379 |
| Small Cap | 1.3 | -1.3 | 21.3 | -30.4 | -40.5 | -32.0 | 1.5 | -0.3 | 129.8 | 0.8 | 69,299 |

**Theo ngành**

| Tên ngành | 1W | 1M | YTD | % Thay đổi GTGD 1W | % Thay đổi GTGD 1M | % Thay đổi GTGD 3M | % Tỷ trọng GTGD Current | % Tỷ trọng GTGD Change | Định giá P/E | Định giá P/B | Vốn hóa (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tài chính | 8.6 | 11.0 | 91.2 | -10.1 | 16.6 | 40.2 | 18.1 | 0.8 | 6.9 | 1.1 | 179,477 |
| Hóa chất | 8.1 | 1.1 | 37.1 | 2.6 | 4.5 | 12.2 | 4.9 | 0.8 | 13.4 | 1.0 | 179,417 |
| Bán lẻ | 7.0 | 1.6 | 29.2 | -3.0 | 1.2 | 30.6 | 3.6 | 0.4 | 47.1 | 1.0 | 107,551 |
| Công nghệ Thông tin | 6.9 | 11.9 | 43.5 | -12.5 | 39.6 | 100.8 | 1.5 | 0.0 | 22.6 | 1.1 | 138,295 |
| Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp | 5.4 | 0.9 | 27.3 | -3.9 | -5.8 | -3.1 | 4.6 | 0.5 | 12.2 | 1.0 | 131,811 |
| Xây dựng và vật liệu | 5.0 | 0.2 | 43.3 | -3.0 | -6.7 | 4.7 | 7.7 | 0.9 | 64.3 | 1.0 | 125,197 |
| Tài nguyên cơ bản | 4.8 | -1.3 | 50.5 | -30.9 | -30.6 | -21.8 | 5.9 | -1.5 | n.a | 1.0 | 210,815 |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 3.9 | -2.4 | 2.1 | -3.8 | -22.7 | -26.4 | 0.8 | 0.1 | 13.5 | 1.0 | 52,926 |
| Thực phẩm và đồ uống | 3.2 | -1.6 | -1.0 | -8.8 | -16.7 | -9.8 | 6.7 | 0.4 | 28.5 | 1.0 | 489,916 |
| Ngân hàng | 2.7 | 0.8 | 26.6 | -30.5 | -32.2 | -20.4 | 13.4 | -3.2 | 9.3 | 1.0 | 1,722,040 |
| Dầu khí | 2.4 | -6.1 | 25.8 | -33.1 | -45.4 | -44.0 | 0.5 | -0.2 | 23.7 | 0.9 | 63,156 |
| Dược và Y tế | 1.8 | -2.8 | 23.0 | -42.2 | -45.1 | -47.0 | 0.1 | 0.0 | 14.2 | 1.0 | 37,472 |
| Ô tô & Phụ tùng | 1.6 | 3.6 | 8.0 | -23.5 | -39.1 | -17.9 | 0.3 | 0.0 | 15.1 | 1.0 | 14,450 |
| Bất động sản | 1.2 | 0.6 | 20.9 | -9.0 | -7.1 | 31.5 | 29.9 | 1.6 | 14.1 | 1.0 | 909,247 |
| Du lịch và Giải trí | 1.2 | -2.9 | -8.7 | -22.6 | -24.9 | -25.6 | 0.6 | -0.1 | 6.9 | 1.0 | 92,727 |
| Truyền thông | -0.1 | -9.4 | 30.2 | -29.0 | -41.3 | -48.7 | 0.0 | 0.0 | 18.6 | 0.9 | 1,147 |
| Bảo hiểm | -0.2 | -4.9 | 1.0 | -32.8 | -33.9 | -38.4 | 0.2 | -0.1 | 16.5 | 1.0 | 45,945 |
| Tiện ích | -1.1 | -3.0 | 6.7 | -36.3 | -40.1 | -31.5 | 1.1 | -0.4 | 13.1 | 1.0 | 324,844 |

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

| Tên ETF | Tài sản (Triệu USD ) | Dòng vốn ròng (Triệu USD) | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 1W | 1M | 3M | YTD |
| **Tổng các quỹ ETF** | **3,896** | **-23.3** | **-159.9** | **-135.7** | **98.6** |
| **Nước ngoài** | **2,751** | **-18.5** | **-121.4** | **-85.7** | **148.4** |
| VanEck Vectors Vietnam ETF | 638 | 0.0 | 1.5 | 27.5 | 92.5 |
| Fubon FTSE Vietnam ETF | 877 | -13.1 | -50.7 | -58.9 | 12.8 |
| iShares MSCI Frontier and Select EM ETF | 643 | -5.3 | -17.1 | -65.0 | 20.6 |
| Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF | 389 | 0.0 | -8.0 | 0.7 | 58.9 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF | 172 | 0.0 | -45.4 | 12.6 | -35.2 |
| Premia MSCI Vietnam ETF | 17 | 0.0 | -0.9 | -0.9 | -0.6 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 Future | 5 | 0.0 | -0.8 | -1.7 | -0.4 |
| Asian Growth CUBS ETF | 10 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| **Trong nước** | **1,145** | **-4.9** | **-38.5** | **-50.0** | **-49.8** |
| DCVFMVN Diamond ETF | 585 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| DCVFMVN30 ETF Fund | 333 | -4.1 | -34.9 | -45.7 | -44.3 |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF | 187 | -0.8 | -3.5 | -4.2 | -5.4 |
| MAFN VN30 ETF | 26 | 0.0 | -0.2 | -0.5 | -0.7 |
| SSIAM VNX50 ETF | 7 | 0.0 | 0.1 | 0.1 | -0.4 |
| VinaCapital VN100 ETF | 4 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| SSIAM VN30 ETF | 4 | 0.1 | 0.1 | 0.4 | 1.0 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

| Quốc gia | Dòng vốn ròng (Triệu USD) | | | |
|---|---|---|---|---|
| | WTD | MTD | QTD | YTD |
| Trung Quốc* | n.a | 6,252 | -41,410 | 6,779 |
| Ấn độ | 396 | 1,573 | 5,712 | 16,878 |
| Indonesia | -83 | -1,263 | -1,081 | 9 |
| Nhật Bản* | -4,123 | -8,070 | -2,974 | 43,910 |
| Maylaysia | -45 | 35 | 349 | -581 |
| Philippines | -43 | -131 | 203 | -265 |
| Hàn Quốc | 301 | -649 | -21 | 7,923 |
| Sri Lanka | -1 | 6 | 13 | 15 |
| Đài Loan | 260 | -4,429 | -7,423 | 3,824 |
| Thái Lan | 55 | -268 | -629 | -3,736 |
| Việt Nam | -65 | -110 | -133 | -165 |

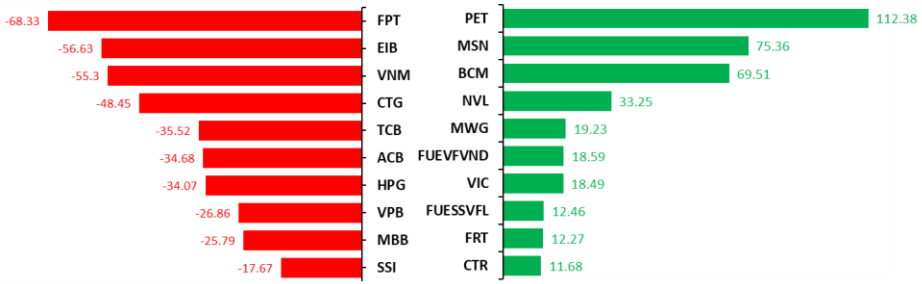
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

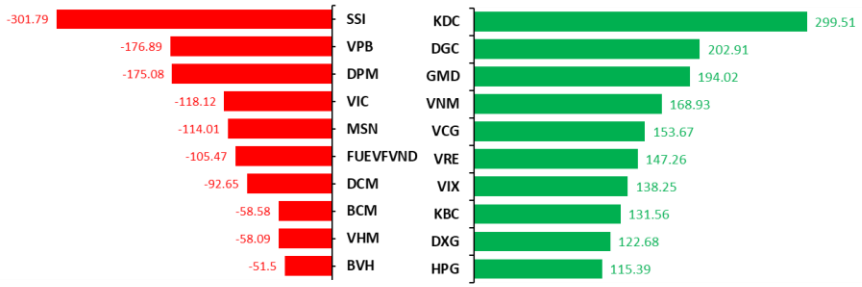
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

### Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)




### Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)




Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

### Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

| Ngành ICB cấp 2 | Tự doanh (tỷ VND) | Nước ngoài (tỷ VND) | Cá nhân trong nước (tỷ VND) | Tổ chức trong nước (tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|
| Bất động sản | 92 | 298 | -260 | -38 |
| Tài nguyên Cơ bản | -35 | 58 | -62 | 4 |
| Truyền thông | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -10 | 65 | -60 | -5 |
| Y tế | 0 | 17 | -17 | 0 |
| Hóa chất | -11 | -47 | 54 | -7 |
| Dịch vụ tài chính | 16 | -113 | -133 | 246 |
| Du lịch và Giải trí | -15 | -4 | -158 | 162 |
| Ngân hàng | -266 | -177 | 179 | -2 |
| Xây dựng và Vật liệu | 11 | 109 | 200 | -309 |
| Thực phẩm và đồ uống | 21 | 279 | -307 | 29 |
| Bán lẻ | 144 | 40 | -25 | -14 |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 1 | -23 | 36 | -13 |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -5 | -9 | -3 | 12 |
| Công nghệ Thông tin | -63 | -4 | 122 | -118 |
| Ô tô và phụ tùng | 2 | 9 | -20 | 11 |
| Bảo hiểm | 0 | -28 | 27 | 1 |
| Dầu khí | -3 | -8 | 26 | -19 |
| **Tổng** | -120 | 460 | -398 | -61 |

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

# WEEKLY SNAPSHOT
## Top cổ phiếu đáng chú ý

**HSX ***

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | SHA | Tài nguyên Cơ bản | 3.21 - 5.89 | 5.1 | -7.59% |
| 2 | HSL | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 2.99 - 10.30 | 8.5 | -7.00% |
| 3 | GSP | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 6.71 - 12.70 | 11.4 | -6.97% |
| 4 | BCE | Xây dựng và Vật liệu | 4.52 - 9.56 | 6.4 | -6.67% |
| 5 | PVP | Sản xuất nông nghiệp | 10.45 - 16.25 | 13.6 | -6.53% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 21.31% | 6.8 | 3.77 - 27.10 | Bất động sản | HPX |
| 18.55% | 37.7 | 11.23 - 37.90 | Dịch vụ tài chính | FTS |
| 17.28% | 9.5 | 5.00 - 27.20 | Thực phẩm và đồ uống | AGM |
| 16.51% | 87.5 | 48.10 - 103.50 | Hóa chất | DGC |
| 15.85% | 9.5 | 7.35 - 19.35 | Dịch vụ tài chính | ORS |

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

**HNX**

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VLA | Công nghệ Thông tin | 24.60 - 77.00 | 25.8 | -28.33% |
| 2 | PCE | Hóa chất | 18.10 - 29.30 | 23.1 | -17.20% |
| 3 | ARM | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 22.50 - 50.00 | 22.5 | -16.67% |
| 4 | MAS | Du lịch và Giải trí | 29.10 - 39.80 | 30.0 | -15.25% |
| 5 | VC6 | Xây dựng và Vật liệu | 6.10 - 13.20 | 10.4 | -13.33% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 37.86% | 14.2 | 4.20 - 15.50 | Y tế | LDP |
| 31.00% | 26.2 | 17.40 - 30.00 | Hàng cá nhân & Gia dụng | GLT |
| 22.38% | 35.0 | 23.60 - 35.50 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | VGP |
| 20.00% | 9.0 | 2.50 - 10.90 | Hàng cá nhân & Gia dụng | CET |
| 19.59% | 11.6 | 8.10 - 16.00 | Truyền thông | QST |

**Upcom**

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | BDW | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 13.60 - 30.50 | 18.7 | -33.21% |
| 2 | CPA | Thực phẩm và đồ uống | 2.70 - 11.70 | 8.0 | -27.93% |
| 3 | RBC | Hóa chất | 6.00 - 16.70 | 6.0 | -26.83% |
| 4 | HES | Du lịch và Giải trí | 11.20 - 30.90 | 18.2 | -23.85% |
| 5 | PCF | Thực phẩm và đồ uống | 2.00 - 10.10 | 6.4 | -23.81% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 58.00% | 7.9 | 3.70 - 7.90 | Xây dựng và Vật liệu | VTA |
| 53.68% | 14.6 | 5.90 - 14.70 | Thực phẩm và đồ uống | SKN |
| 45.83% | 28.0 | 16.80 - 28.00 | #N/A | BHI |
| 36.36% | 15.0 | 4.30 - 17.00 | Truyền thông | STH |
| 34.44% | 36.3 | 3.20 - 43.00 | Thực phẩm và đồ uống | VSF |

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

## Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

| STT | Mã | Tên công ty | Ngành | Giá trị giao dịch | | Giá cổ phiếu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | TB Ngày (Triệu VND) | %1W | Giá (nghìn VND) | Biến động 52 tuần | %1W |
| 1 | PGV | Tổng Công ty Phát điện 3 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 2,581.1 | 336.4 | 29.2 | 15.50 - 31.45 | 6.0 |
| 2 | CTR | Công trình Viettel | Xây dựng và Vật liệu | 39,985.0 | 214.1 | 83.3 | 35.10 - 84.50 | 12.3 |
| 3 | VFG | Khử trùng Việt Nam | Hóa chất | 201.8 | 138.8 | 36.2 | 33.50 - 49.20 | -0.8 |
| 4 | DPR | Cao su Đồng Phú | Hóa chất | 9,227.0 | 121.9 | 66.6 | 38.30 - 77.80 | 8.3 |
| 5 | DHC | Đông Hải Bến Tre | Tài nguyên Cơ bản | 5,396.9 | 115.3 | 41.0 | 25.13 - 53.83 | 2.8 |
| 6 | SHI | SONHA CORP | Tài nguyên Cơ bản | 4,808.6 | 108.8 | 14.6 | 12.40 - 16.75 | 6.2 |
| 7 | PET | PETROSETCO | Bán lẻ | 23,694.9 | 104.9 | 29.0 | 10.82 - 37.79 | 11.1 |
| 8 | SIP | Đầu tư Sài Gòn VRG | Bất động sản | 12,313.1 | 91.0 | 133.0 | 120.00 - 134.90 | 4.3 |
| 9 | DVP | ĐT và PT Cảng Đình Vũ | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 1,393.0 | 80.2 | 62.4 | 40.00 - 63.60 | 4.3 |
| 10 | GMD | Gemadept | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 88,283.3 | 79.8 | 62.7 | 36.40 - 62.80 | 13.0 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

# WEEKLY SNAPSHOT
## Những dữ liệu vĩ mô khác

### Tỷ giá

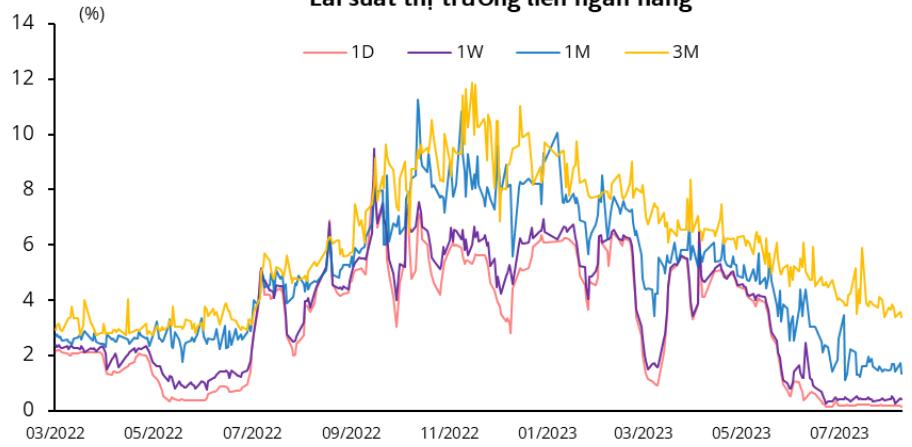
| | Giá | %1W | %1M | %3M | %YTD | Trend |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 103.37 | -0.59 | 1.48 | -0.92 | -0.15 | |
| VND/USD | 24,100 | 0.38 | 1.73 | 2.60 | 1.98 | |
| KRW/USD | 1,322.65 | 0.02 | 3.77 | -0.28 | 4.52 | |
| JPY/USD | 145.86 | 0.02 | 2.51 | 4.68 | 11.24 | |
| EUR/USD | 0.92 | -0.69 | 1.02 | -1.81 | -1.66 | |
| SGD/USD | 1.35 | -0.40 | 1.62 | -0.03 | 0.87 | |
| CNY/USD | 7.29 | 0.14 | 2.06 | 2.56 | 5.68 | |

### Hàng hóa

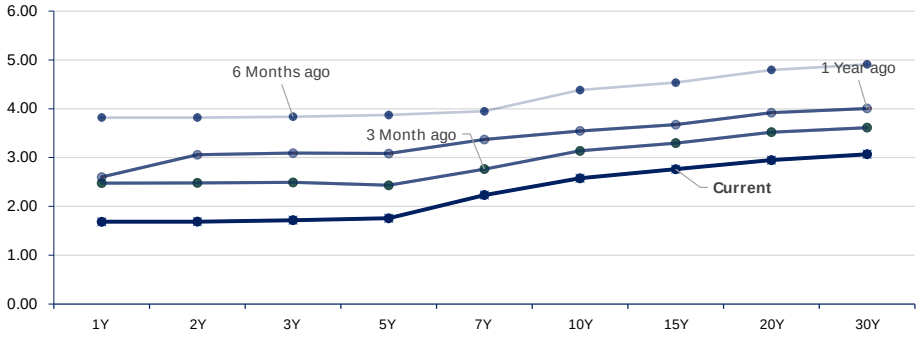
| | Giá (USD) | %1W | %1M | %3M | %YTD | Trend |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Dầu thô | 81.87 | 3.57 | 0.09 | 20.24 | 2.01 | |
| Xăng | 282.16 | 1.50 | -3.67 | 10.22 | 14.72 | |
| Gas | 2.79 | 10.76 | 5.92 | 23.12 | -37.65 | |
| Than | 156.00 | 4.00 | 16.03 | 15.47 | -61.40 | |
| Vàng | 1,944.76 | 1.45 | -1.03 | -0.92 | 6.62 | |
| Bạc | 24.53 | 1.68 | -0.88 | 4.44 | 2.40 | |
| Platinum | 979.28 | 4.38 | 2.61 | -1.92 | -8.84 | |
| Quặng sắt | 108.99 | 1.41 | -3.28 | 3.60 | -2.06 | |
| Thép cán | 3,944.00 | -0.18 | -2.98 | 6.71 | -4.90 | |
| Lúa mì | 570.25 | -5.59 | -14.34 | -4.04 | -28.00 | |
| Ngô | 462.50 | -2.06 | -8.23 | -22.14 | -31.83 | |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

### Lãi suất thị trường liên ngân hàng




### Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)




| TG đáo hạn | 1 Yr | 2 Yrs | 3 Yrs | 5 Yrs | 7 Yrs | 10 Yrs | 15 Yrs | 20 Yrs | 30 Yrs |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Lãi suất | 1.68 | 1.69 | 1.72 | 1.76 | 2.23 | 2.58 | 2.76 | 3.30 | 4.54 |
| Thay đổi (BPS)* | 0.00 | -0.30 | 0.00 | -0.50 | 2.80 | 2.70 | 1.20 | -1.10 | 0.40 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam



Shinhan Securities

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

## Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.